

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST

Ngày 16-5-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giàng A Tăng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý A Thu và bà Bạc Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2023/TLST- HN&GD ngày 09 tháng 02 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lường Thị P**, năm sinh 1986 – vắng mặt.

Địa chỉ: Bản C, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn H**, sinh năm 1987 – vắng mặt.

Địa chỉ: Bản C, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/02/2023, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lường Thị P trình bày:

- Về hôn nhân: Chị P và anh H kết hôn năm 2011 trên sự tự nguyện không ai ép buộc lừa dối và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Sinh, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 07/6/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Lò Văn H sử dụng ma túy, không chăm lo cho gia đình. Từ năm 2014 đến năm 2021, anh H nhiều lần đánh chị P. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống. Chị P xác

nhận không còn tình cảm với anh H, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn H.

- Về con chung: Chị P, anh H có 02 người con chung là cháu Lò Đức H, sinh ngày 11/8/2013 và cháu Lò Yến N, sinh ngày 15/5/2018. Khi ly hôn chị P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Lò Văn H trình bày (BL 26, 27):* - Về hôn nhân, anh H thống nhất với ý kiến của chị P, anh chị kết hôn năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Sinh, huyện Tuần Giáo trên sự tự nguyện của hai bên, không bị ép buộc lừa dối. Anh H thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có cãi chửi nhau nên năm 2022 chị P đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ và thừa nhận có sử dụng ma túy nhưng hiện nay đã cai nghiện không còn sử dụng nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có hai người con chung là cháu Lò Đức H, sinh ngày 11/8/2013 và cháu Lò Yến N, sinh ngày 15/5/2018. Anh H không đồng ý ly hôn nên không đề nghị Tòa án giải quyết về giao nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tiến hành xác minh tại bản Cộng, xã Chiềng Đông, huyện Tuần Giáo và gia đình cho thấy: Chị P, anh H tự nguyện xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định. Anh chị có hai người con chung là Lò Đức H, Lò Yến N; nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh Lò Văn H sử dụng ma túy nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và anh H nhiều lần đánh chị P mỗi khi anh H xin tiền mà không cho. Chị P và hai con đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ năm 2022, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Hiện tại chị P và hai con đang ở cùng bố mẹ đẻ, còn anh H sống tại nhà riêng của hai vợ chồng.

Tại đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 04 tháng 5 năm 2023 của chị Lương Thị P. Chị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- Về hôn nhân: Chị P giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Lò Văn H.

- Về con chung: Chị P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Đức H, sinh ngày 11/8/2013; cháu Lò Yến N, sinh ngày 15/5/2018. Chị P không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lò Văn H vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng quy định, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, thẩm phán, thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chị Lương Thị P đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Lò Văn H chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, xử cho chị

P được ly hôn với anh Lò Văn H.

- Về con chung: Căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P, giao cháu Lò Đức H, sinh ngày 11/8/2013 và cháu Lò Yến N, sinh ngày 15/5/2018 cho chị Lương Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lò Văn H chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: Các đương sự không yêu cầu, không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lương Thị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa ngày 28/4/2023 nguyên đơn chị Lương Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, bị đơn anh Lò Văn H vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 16/5/2023, nguyên đơn chị Lương Thị P và bị đơn anh Lò Văn H vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị P, anh H.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Lương Thị P về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Lò Văn H và các tài liệu chứng cứ kèm theo. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Lò Văn H đăng ký thường trú và địa chỉ tại bản C, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

[2] Về áp dụng pháp luật: Chị Lương Thị P và anh Lò Văn H kết hôn năm 2011. Tòa án áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị P và anh Lò Văn H kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Sinh, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Chị P, anh H thừa nhận hai người kết hôn tự nguyện, không ai ép buộc hoặc lừa dối. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 07/6/2011 của UBND xã Chiềng Sinh (BL 02) xác định quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình 2000.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Chị P có đơn xin ly hôn với lý do anh H sử dụng ma túy, đánh chị P nên đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Tiến hành xác minh đối với gia đình và địa phương nơi cư trú, xác định anh Lò Văn H sử dụng ma túy và từ năm 2014 đến năm 2021 anh H nhiều lần đánh, đe dọa chị P mỗi khi anh H xin tiền mà chị P không cho (BL 33, 33b, 33đ) và anh Lò Văn H thừa nhận có sử dụng ma túy nhưng hiện nay không còn sử dụng (BL 27). Hội đồng xét xử xét thấy do anh H sử dụng ma túy và nhiều lần đánh, đe dọa chị P, đời sống chung thường xuyên cãi chửi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt nên chị P không muốn duy trì hôn nhân với anh H và đã đưa hai con chung bỏ về nhà bố mẹ để ở từ năm 2022 đến nay là có căn cứ. Từ khi sống ly thân anh chị đã “bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống”, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 17, 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Từ những phân tích trên thể hiện hôn nhân của chị P, anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị P yêu cầu ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị P.

[4] Về con chung: Chị P, anh H có hai người con chung là Lò Đức H, sinh ngày 11/8/2013; cháu Lò Yến N, sinh ngày 15/5/2018. Chị P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung; anh Lò Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết về giao nuôi con do không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy chị P ngoài làm ruộng, còn đi làm công nhân phụ xây, phụ cốt pha thu nhập bình quân 7.000.000đồng/tháng và hiện nay hai con đang do chị P chăm sóc, nuôi dưỡng từ năm 2022 đến nay, anh H không đóng góp gì vào việc chăm sóc, nuôi dưỡng con và nguyện vọng của con muốn ở cùng với chị P, không đồng ý ở với anh H. Còn anh H sử dụng ma túy, không có việc làm ổn định. Căn cứ vào điều kiện, H cảnh thực tế của hai bên, nguyện vọng của con và xem xét quyền lợi về mọi mặt cho con nên giao cho chị Lương Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 72, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị P không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Chị Lương Thị P là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị miễn án phí. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lương Thị P.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo là phù hợp, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 69, 71, 72; khoản 1, khoản 2 Điều 81; 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Điều 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lường Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị P được ly hôn anh Lò Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Đức H, sinh ngày 11/8/2013 và cháu Lò Yến N, sinh ngày 15/5/2018 cho chị Lường Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị Lường Thị P chưa yêu cầu anh Lò Văn H cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Lường Thị P có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; anh Lò Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị Lường Thị P và anh Lò Văn H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lường Thị P được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lường Thị P, anh Lò Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- UBND xã Chiềng Sinh, huyện Tuần Giáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giàng A Tăng